

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2024

V/v tranh chấp: Không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

2. Ông Lê Văn Hoàng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị V**, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Lê Kim X** – Văn phòng Luật sư Nhân Phúc – Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Đặng B**, sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Các đương sự và Luật sư có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2024 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Phạm Thị V** trình bày: Bà và ông **Đặng B** cùng chung sống từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới hỏi, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, ông bà cùng

chung sống tại Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình ông bà chung sống đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn do ông B có mối quan hệ không chung thủy, ông bà bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hòa hợp. Bà đã vì con cố gắng hòa giải, duy trì cuộc sống chung tuy nhiên mâu thuẫn không được cải thiện, không hàn gắn được tình cảm. Ông bà đã chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2023 đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Nay bà xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng hàn gắn được nên bà yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Đặng B.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Đặng Minh H, sinh ngày 14/02/2005 và Đặng Thị Minh N, sinh ngày 18/11/2006. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Minh N cho đến ngày thành niên và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2024 cho đến ngày con chung thành niên, hiện nay bà làm vườn với thu nhập 10.000.000đ/tháng, đảm bảo khả năng nuôi dưỡng con. Đối với con chung Đặng Minh H, sinh ngày 14/02/2005 đã thành niên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản trình bày ý kiến ngày 22/02/2024 và lời khai tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng B trình bày: Ông và bà Phạm Thị V cùng chung sống từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới hỏi, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình ông bà chung sống không đạt được như mong muốn, phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột đến nay không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ và cuộc sống chung. Từ năm 2023, bà V cùng con sinh sống tại thôn P, xã H còn ông sinh sống tại thôn H, xã P; ông bà mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Đến nay ông bà không thể tiếp tục chung sống nên bà V yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông thì ông đồng ý, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà V.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Đặng Minh H, sinh ngày 14/02/2005 và Đặng Thị Minh N, sinh ngày 18/11/2006. Khi ly hôn, ông đồng ý giao bà V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Thị Minh N cho đến ngày thành niên và ông B cấp dưỡng với mức 2.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2024. Đối với con chung Đặng Minh H đã thành niên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày khi tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết thủ tục không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị V và ông Đặng B; đề nghị giao bà V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Minh N, sinh ngày 18/11/2006 cho đến ngày thành niên; ông B cấp dưỡng số tiền 2.500.000đ/tháng từ tháng 10 năm 2024.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đặng B. Về con chung: Giao con chung Đặng Thị Minh N, sinh ngày 18/11/2006 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng và ông B cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2024 cho đến ngày con chung thành niên. Hiện nay con chung Đặng Minh H, sinh ngày 14/02/2005 đã thành niên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định đây là vụ án “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” giữa nguyên đơn bà Phạm Thị V và bị đơn ông Đặng B theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị V và ông Đặng B tự nguyện cùng chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo

quy định pháp luật. Quá trình ông bà chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau trong xây dựng hạnh phúc gia đình, có nhiều khác biệt về tính cách và quan điểm sống nên cuộc sống chung không hòa hợp; ông bà chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2023 cho đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Xét thấy theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị V và ông Đặng B không được pháp luật công nhận là vợ chồng, do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị V và ông Đặng B.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Đặng Minh H, sinh ngày 14/02/2005 và Đặng Thị Minh N, sinh ngày 18/11/2006. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hiện nay bà V đang trực tiếp nuôi cháu N đảm bảo điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ. Ông B đồng ý giao bà V trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý cấp dưỡng với mức 2.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2024. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường của con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung cần giao bà V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Minh N cho đến ngày thành niên; ông B cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2024 là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Đối với con chung Đặng Minh H, sinh ngày 14/02/2005 đã thành niên ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị V có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung với ông Đặng B có liên quan đến Ngân hàng NP và yêu cầu khởi kiện trả nợ chung đối với ông Đặng C, ông Đặng H. Ngày 11/9/2024 bà V rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, nợ chung. Trong trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án dân sự khác.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị V phải chịu số tiền 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông B phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 14, 71, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị V và ông Đặng B.

2. Về con chung:

Giao bà Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Thị Minh N, sinh ngày 18/11/2006 cho đến ngày thành niên; ông B cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Thị Minh N, sinh ngày 18/11/2006 với mức 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2024 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của bà Phạm Thị V với ông Đặng B và yêu cầu khởi kiện trả nợ chung của bà Phạm Thị V đối với ông Đặng C, ông Đặng H.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phạm Thị V phải chịu số tiền 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà V đã quyết toán xong.

5. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 31.500.000đ (*Ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0003575

ngày 02/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Hoàn trả cho bà Phạm Thị V số tiền 31.200.000đ (*Ba mươi một triệu hai trăm nghìn đồng*) án phí còn thừa.

Buộc ông Đặng B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hạnh